

Bản án số: 280/2024/DS-PT
Ngày: 09/12/2024
*V/v: Tranh chấp hợp đồng
vay tài sản.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ánh Bình

Các Thẩm phán: Bà Sơn Nữ Phà Ca
Bà Nguyễn Thị Kim Chi

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Xuân Tình – Thư ký Tòa án tỉnh Vĩnh Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Vĩnh Long tham gia phiên tòa:
bà Lữ Thị Tuyết Lan – Kiểm sát viên.

Trong ngày 09 tháng 12 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 275/2024/TLPT - DS ngày 02 tháng 10 năm 2024 về “*Tranh chấp hợp đồng vay tài sản*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số: 116/2024/DSST, ngày 20 tháng 8 năm 2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 292/2024/QĐ-PT ngày 08 tháng 10 năm 2024, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: bà Đặng Thị N, sinh năm 1967. Địa chỉ: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị N là ông Huỳnh Thiên S, sinh năm 1975. Địa chỉ: ấp G, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long (văn bản ủy quyền ngày 11/11/2024) (có mặt).

2. Bị đơn: bà Đặng Thị K, sinh năm 1958. Địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Đặng Thị K là chị Nguyễn Thị Hồng P, sinh năm 1995. Địa chỉ: số F đường C khóm D, thị trấn C, huyện M, tỉnh Vĩnh Long (theo văn bản ủy quyền ngày 21/10/2024) (có mặt).

3. Người làm chứng:

- Bà Đặng Thị C, sinh năm 1964. Địa: ấp P, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh

Long. (vắng mặt)

-Bà Phan Thị Hồng H, sinh năm 1970 (vắng mặt)

-Bà Võ Thị L, sinh năm 1954 (vắng mặt).

Cùng địa chỉ: ấp Đ, xã T, huyện V, tỉnh Vĩnh Long.

Người kháng cáo: bà Đặng Thị N là nguyên đơn, bà Đặng Thị K là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/11/2023 và trong quá trình tham gia tố tụng bà Đặng Thị N là nguyên đơn trình bày:

Vào tháng 9 năm 2023 bà có cho bà Đặng Thị K mượn số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng) và 05 (năm) chỉ vàng 24k, vì là chị em ruột nên không làm biên nhận và không tính lãi suất, bà K hứa 15 ngày sẽ trả đủ số tiền 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K cho bà N. Sau đó bà K không trả tiền, vàng như đã hứa, bà N nhiều lần điện thoại và gặp trực tiếp yêu cầu bà K trả tiền, vàng đã mượn của bà N, nhưng bà K không nghe máy và không thực hiện việc trả nợ. Vì vậy bà N khởi kiện yêu cầu bà K trả 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K, không yêu cầu trả lãi.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bà N trình bày số tiền cho bà K mượn 30.000.000đ nêu trên, trong đó có 6.000.000đ bà N đóng hui chết thay cho bà K 03 lần, mỗi lần 2.000.000đ, bà K mượn của bà N 2.000.000đ để đóng hui và mượn 2.000.000đ để đóng lãi của số tiền mượn 20 triệu đồng nêu trên, tổng cộng là 10.000.000đ, còn lại 20.000.000đ bà K mượn của bà N.

Tại bản khai ý kiến ngày 19/3/2024 của bị đơn bà Đặng Thị K và trong quá trình tham gia tố tụng, người đại diện hợp pháp của bà K trình bày:

Bà K không đồng ý theo yêu cầu khởi kiện của bà N, vì bà K không có vay số tiền 30.000.000đ cũng như không có mượn 05 chỉ vàng 24K của bà N.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long quyết định:

Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Đặng Thị N.

Buộc bà Đặng Thị K có trách nhiệm trả cho bà Đặng Thị N số tiền vốn vay 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Không chấp nhận yêu cầu của bà N đòi bà K trả 05 (năm) chỉ vàng 24k và số tiền 10.000.000đ (mười triệu đồng) (trong đó hui 6.000.000đ (sáu triệu đồng) tiền chàng hui; tiền mượn 2.000.000đ (hai triệu đồng) và tiền đóng lãi dùm 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Bản án còn tuyên về nghĩa vụ chậm thi hành án, án phí và quyền kháng cáo của các đương sự.

Trong thời hạn luật định, bà Đặng Thị N và bà Đặng Thị K kháng đều cáo yêu cầu sửa bản án sơ thẩm.

Bà N yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N

Bà K yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xử không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

Ông Huỳnh Thiên S là người đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Đặng Thị N yêu cầu sửa án sơ thẩm, buộc bà Đặng Thị K trả bà Đặng Thị N số tiền 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K. Do chị em ruột nên khi bà N cho bà K mượn tiền, vàng không có làm biên nhận, nhưng bà N có nhờ bà Đặng Thị C là chị ruột gọi điện thoại nói chuyện với bà K, bà K có nói đến 20 triệu đồng và 05 chỉ vàng 24K, bà N đã có nhờ bà C lập vi bằng đã nộp cho Tòa án cấp phúc thẩm, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét.

Bà Nguyễn Thị Hồng P là người đại diện hợp pháp của bị đơn bà Đặng Thị K không đồng ý yêu cầu kháng cáo của nguyên đơn, bị đơn không đồng ý trả số tiền 20.000.000đ cho nguyên đơn như án sơ thẩm đã tuyên. Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo của bị đơn, bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa phúc thẩm:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử phúc thẩm.

Về nội dung: căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự, khoản 2 Điều 29 của Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị N;

Chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị K;

Sửa án thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N.

Về án phí sơ thẩm : bà N phải chịu án phí 3.250.000đ

Án phí phúc thẩm: do sửa án nên bà N và bà K không phải chịu án phí phúc thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về tố tụng: đơn kháng cáo của bà Đặng Thị N và bà Đặng Thị K còn trong thời hạn quy định tại Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự, đủ điều kiện để xét xử theo thủ tục phúc thẩm.

Về nội dung:

-Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị N:

[1] Xét thấy: bà Đặng Thị N yêu cầu bà Đặng Thị K có nghĩa vụ trả cho bà N số tiền vốn vay 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24k vay vào tháng 9/2023. Do bà N và bà K là chị em ruột nên việc cho mượn tiền, vàng không có làm biên nhận. Bà K không thừa nhận có nợ bà N số tiền 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24K. Bà N không cung cấp được tài liệu, chứng cứ chứng minh. Bà N có yêu cầu Tòa án lấy lời khai người làm chứng gồm: bà Đặng Thị C (bà C là chị ruột bà N là em ruột bà K), bà Phan Thị Hồng H và bà Võ Thị L. Tại các biên bản lấy lời khai người làm chứng có trong hồ sơ vụ án thể hiện, những người làm chứng chỉ nghe bà N và bà K nói lại việc cho vay, mượn tiền giữa bà N và bà K. Không có ai trực tiếp chứng kiến việc bà N đưa số tiền 20.000.000đ cho bà K và việc bà K thiếu bà N số tiền 10.000.000đ(chàng hụi 6.000.000đ, mượn riêng 4.000.000đ). Như vậy bà N không có chứng cứ để chứng minh bà K thiếu số tiền 30.000.000đ, bà K không thừa nhận nên không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà N đòi bà K trả số tiền 30.000.000đ.

[2] Đối với 05 chỉ vàng 24k: tại phiên tòa hôm nay, người đại diện hợp pháp của bà N trình bày, vào tháng 9/2023 bà K và ông K1 chồng bà K cùng đến nhà bà N mượn vàng, bà N đưa cho ông K1 05 chỉ vàng 24K tại nhà bà N, không có làm biên nhận, tuy nhiên bà N không yêu cầu ông K1 liên đới trả vàng, chỉ yêu cầu cá nhân và K trả vàng cho bà N. Bà K không thừa nhận có nợ 05 chỉ vàng của bà N. Người làm chứng bà Đặng Thị C trình bày có nghe bà K điện thoại cho bà N hỏi mượn 05 chỉ vàng 24k, sau đó bà K cũng có nói với bà C là mượn vàng của bà N đi cầm lấy tiền đóng hụi cho bà C số tiền 10.000.000đ. Người làm chứng bà Phan Thị Hồng H trình bày, bà K có tham gia chơi hụi do bà H làm đầu thảo, bà K không có tiền đóng hụi chết. Sau đó bà K đưa cho bà H 5.000.000đ và nói có mượn vàng của bà N cầm lấy tiền để đóng hụi cho bà H. Bà C và bà H đều không có chứng kiến việc giao, nhận vàng giữa bà N và bà K. Do đó không có căn cứ để chấp nhận yêu cầu kháng cáo của bà N đòi bà K trả 05 chỉ vàng 24K.

- Xét yêu cầu kháng cáo của bà Đặng Thị K:

[3] Như đã phân tích trên, bà N trình bày có cho bà K mượn tiền và vàng tổng cộng số tiền 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24k, giữa bà N và bà K không có làm biên nhận nợ, nhưng có 03 người làm chứng. Tuy nhiên người làm chứng bà

Võ Thị L trình bày, bà N có vay của bà L 20.000.000đ, bà N có nói là vay dùm chị em của bà N. Lúc này bà L không biết bà N vay cho ai, đến lúc trả tiền thì bà L mới biết là vay dùm cho bà K (BL.48). Người làm chứng bà Đặng Thị C trình bày bà C biết việc bà N vay tiền của bà L dùm cho bà K, vì số tiền này bà L hốt hụi do bà C làm đầu thảo. Bà C giao tiền cho bà L, còn việc giao nhận tiền giữa bà N và bà K thì bà C không có trực tiếp chứng kiến. Bà N không có chứng cứ chứng minh nhưng án sơ thẩm chấp nhận yêu cầu của bà N đối với số tiền 20.000.000đ vay dùm là đánh giá chứng cứ chưa phù hợp, do đó cần phải sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

[4] Tại cấp phúc thẩm, người đại diện hợp pháp nguyên đơn có cung cấp Vi bằng thể hiện cuộc nói chuyện giữa bà Đặng Thị C và bà Đặng Thị K. Tuy nhiên đoạn ghi âm này không thể hiện bà K nợ tiền, vàng của bà N, phía bà K không thừa nhận có cuộc nói chuyện trên, các bên không yêu cầu giám định, do đó vi bằng không có giá trị chứng minh.

Từ những nhận định trên, không chấp nhận kháng cáo của bà N, chấp nhận kháng cáo của bà K. Sửa án sơ thẩm, không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà N.

[5] Về án phí:

-Án phí sơ thẩm: do sửa án nên sửa lại án phí. Buộc bà N phải chịu án phí là 3.250.000đ.

-Án phí phúc thẩm: do sửa án nên bà N và bà K không phải chịu án phí theo quy định tại khoản 2 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 2 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Không chấp nhận đơn kháng cáo của nguyên đơn bà Đặng Thị N;

Chấp nhận đơn kháng cáo của bị đơn bà Đặng Thị K;

Sửa bản án dân sự sơ thẩm số 116/2024/DS-ST ngày 20/8/2024 của Tòa án nhân dân huyện Vũng Liêm, tỉnh Vĩnh Long;

Căn cứ điểm đ, khoản 1 Điều 12, khoản 3 Điều 26, khoản 2 Điều 29 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đặng Thị N về việc đòi bà Đặng Thị K trả tiền vay 30.000.000đ và 05 chỉ vàng 24k.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm: buộc bà Đặng Thị N phải chịu 3.250.000đ, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 1.438.000đ (Một triệu bốn trăm ba mươi tám nghìn đồng) theo biên lai thu số 0008552 ngày 27 tháng 11 năm 2023 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm. Buộc bà Đặng Thị N phải nộp thêm 1.812.000 đ (một triệu tám trăm mười hai nghìn đồng).

3. Về án phí dân sự phúc thẩm: hoàn trả bà Đặng Thị N số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ theo biên lai số 0009317 ngày 30 tháng 8 năm 2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vũng Liêm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND cùng cấp;
- CCTHADS huyện Vũng Liêm;
- TAND huyện Vũng Liêm;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Đặng Thị Ánh Bình